

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HOÀNG TRÀ VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HOÀNG TRÀ VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANG TRA VIETNAM TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HOANG TRA VIETNAM CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108876378

3. Ngày thành lập: 26/08/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

số 10 Liền kề 2 Khu đô thị Xa la, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0899166696

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: - Chế biến các thực phẩm cô đặc từ rau quả tươi; - Sản xuất nước ép từ rau quả; - Chế biến và bảo quản rau quả khác	1030
2.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
3.	Sản xuất cà phê	1077
4.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
5.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
6.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên; - Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất; - Sản xuất sản phẩm hỗn hợp có mùi thơm dùng cho sản xuất nước hoa hoặc thực phẩm.	2029
7.	Xây dựng nhà để ở	4101
8.	Xây dựng nhà không để ở	4102
9.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
10.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
11.	Xây dựng công trình điện	4221
12.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
13.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
14.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
15.	Xây dựng công trình thủy	4291
16.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292

17.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
18.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; Thi công cảnh quan; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
19.	Phá dỡ	4311
20.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
21.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
22.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
23.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống camera quan sát, an ninh; Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
24.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
25.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
26.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
27.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4512
28.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4513
29.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô	4520
30.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4530
31.	Bán mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4541
32.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
33.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4543
34.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa	4610
35.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ động, thực vật quý hiếm quy định tại Phụ lục 3 Luật Đầu tư 2014)	4620
36.	Bán buôn đồ uống	4633
37.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4634
38.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

39.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;	4649
40.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
41.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
42.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Trừ các loại do Nhà nước cấm)	4661
43.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (không bao gồm kinh doanh vàng trang sức)	4662
44.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
45.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
46.	Bán buôn tổng hợp	4690
47.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
48.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
49.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
50.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
51.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
52.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
53.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
54.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
55.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
56.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
57.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
58.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
59.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
60.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
61.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
62.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
63.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764

64.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
65.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ kinh doanh vàng trang sức)	4773
66.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá)	4774
67.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
68.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
69.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
70.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
71.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
72.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: - Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh; - Bán lẻ hàng gốm sứ, thủy tinh; - Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh; - Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức; - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ; - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt; - Bán lẻ xe đạp và phụ tùng; - Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng (trừ kinh doanh vàng trang sức)	4789
73.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)	4791
74.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động...; - Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng).	4799
75.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
76.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
77.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
78.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022

79.	Vận tải hàng hóa hàng không Chi tiết: Vận tải hàng hóa không theo tuyến và lịch trình cố định	5120
80.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
81.	Bốc xếp hàng hóa	5224
82.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ môi giới thuê máy bay, tàu biển)	5229
83.	Chuyển phát	5320
84.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống	5610
85.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
86.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
87.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ kinh doanh quán bar)	5630(Chính)
88.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
89.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
90.	Quảng cáo	7310
91.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
92.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
93.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
94.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động môi giới thương mại;	7490
95.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh - Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa - Hoạt động nhượng quyền thương mại	8299

6. Vốn điều lệ: 1.800.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN MINH KHÔI	20 Ngõ Chợ Phố Hiến, Phường Lê Lợi, Thành phố Hưng yên, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	900.000.000	50,000	145229722	
2	LÊ HUY TIẾN	Tập thể T50, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	900.000.000	50,000	033077000221	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ HUY TIẾN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/04/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 033077000221

Ngày cấp: 10/04/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tập thể T50, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tập thể T50, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội